

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2017/HSST

Ngày 27/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Định**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Đỗ Ngọc Cận**.

2/ Ông: **Huỳnh Phước**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà **Trịnh Thị Ánh Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/. **Dương Hoàng L**, sinh năm 1993; Nơi thường trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Số 222/22/58B đường T, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Khmer; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Dương Hoàng N và bà Lý Thị H; Có vợ và 01 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 lần; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/02/2017. (có mặt)

2/. **Thạch Hoàng N**, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Nhà không số đường T, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Khmer; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Thạch P và bà Trần Thị H; Có vợ và 03 người con; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/02/2017. (có mặt)

* Người bị hại: Bà **Phan Hoài T**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Số 83 đường L, Khóm 4, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: đường T, Khóm 2, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2/. Bà **Sơn Thị H**, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số 222/22/58B đường T, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3/. Bà **Sơn Thị H**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 222/22/58B đường T, Khóm 1, Phường 5, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4/. Bà **Lý Thị H**, sinh năm 1960; Nơi cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* Người làm chứng: **Lương Minh C**, sinh năm 2005. (vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp cho người làm chứng C: **Lương V**, sinh năm 1972 – Là cha ruột của Lương Minh C. (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Số 83 đường L, Khóm 4, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

* Người phiên dịch: Ông **Sơn Sĩ V** – công tác tại Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N bị Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N là anh em bạn rề với nhau và là những người không có nghề nghiệp ổn định và nghiện ma túy.

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/02/2017, L điện thoại rủ N đi kiếm tài sản của người khác để giật bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, thì N đồng ý. L điều khiển xe mô tô biển số 65F7-8604 đến nhà chờ N và cả hai đi trên các tuyến đường trong thành phố S tìm tài sản của người khác để giật, khi đang đi trên đường L hướng từ Trung tâm thành phố S về huyện M, khi qua khỏi vòng xuyến đường L và đường P khoảng 10 mét, thì N phát hiện chị Phan Hoài T đang điều khiển xe mô tô chở một em bé là con của chị T, trên cổ chị T có đeo 01 sợi dây chuyền vàng, nên N chỉ cho L thấy và kêu chạy xe theo chị T, L quay đầu xe chạy theo xe của chị T, lúc này chị T rẽ vào đường L, tay phải điều khiển xe, tay trái nghe điện thoại di động, khi chị T chạy xe đến trước nhà Số 87 đường L,

Khóm 4, Phường 3, thành phố S, thì L điều khiển xe bám theo một đoạn khoảng 30 mét thì chạy vượt lên áp sát phía bên tay trái của chị T, cho N ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền vàng 17K trọng lượng 6,4 chỉ và mặt dây chuyền vàng 15K trọng lượng 0,93 chỉ của chị T, giật xong N cho L biết đã giật được dây chuyền rồi L cho xe tăng ga tẩu thoát ra đường P. Sau đó L chở N về nhà vợ của L ở Phường 5, thành phố S, N đưa dây chuyền đã giật được cho Sơn Thị H là vợ của L nhờ H đem bán, nhưng không nói cho H biết là tài sản đã chiếm đoạt được của người khác. H mang sợi dây chuyền đến bán cho tiệm vàng T, Số 49 đường H, Khóm 1, Phường 1, thành phố S được 13.500.000đ, rồi mang về đưa lại N. N cho H 1.500.000đ, số tiền còn lại N và L chia đều mỗi người được 6.000.000đ. Khi có tiền thì L mang xe đi sửa tại tiệm sửa xe của anh Dương Hoàng H tại Phường 5, thành phố S, còn N thì về nhà cho vợ là Sơn Thị H là 1.000.000đ, cho mẹ ruột là bà Trần Thị H là 500.000đ, N cũng không nói số tiền trên do N và L chiếm đoạt của người khác mà có. Sau đó N mang xe của N biển số 51Y2-2805 đi sửa tại tiệm của anh Võ Hùng S, N đưa cho anh S 1.500.000đ để mua phụ tùng xe gồm: 02 niềng xe, 02 vỏ xe, 02 ruột xe. Còn chị T sau khi bị N và L giật dây chuyền đã đến công an Phường 3, thành phố S trình báo. Đến 16 giờ 00 phút ngày 21/02/2017, khi công an thành phố S triệu tập Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N để làm việc, tại cơ quan điều tra L và N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45/KL.ĐGTS ngày 25/02/2017 của của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng kết luận: Một sợi dây chuyền vàng 17K kiểu dây đan, trọng lượng 6,4 chỉ, với số tiền là 6,4 chỉ x 2.570.000đ = 16.448.000đ; Một mặt dây chuyền vàng 15K kiểu mặt đúc có hột màu trắng, trọng lượng 9,3 phân = 0,93 chỉ, với số tiền là 0,93 chỉ x 2.346.000đ = 2.181.780đ. Tổng cộng: 18.629.780đ.

Tại Cáo trạng số 40/QĐ-KSĐT ngày 30/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Dương Hoàng L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c, d, Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và Thạch Hoàng N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Dương Hoàng L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và Thạch Hoàng N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Các bị cáo Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N phạm tội “Cướp giật tài sản”

Áp dụng điểm c, d Khoản 2 Điều 136; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Hoàng L xử phạt bị cáo từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thạch Hoàng N xử phạt bị cáo từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn Điều tra, người bị hại yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền là 16.816.000đ nhưng do tại phiên tòa, người bị hại đồng ý nhận số tiền 11.185.000đ để bồi thường khắc phục hậu quả và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên cần giao số tiền 11.185.000đ đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cho người bị hại.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 02 nón bảo hiểm màu đen và xanh đen; 01 nón kết màu xanh đen; 01 quần jean màu xám đen; 02 áo sơ mi màu xanh đen và xanh và 01 giày cổ cao màu trắng;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 02 niền xe mô tô màu xanh; 02 võ xe mô tô chưa qua sử dụng; 02 ruột xe chưa qua sử dụng; 01 điện thoại di động màu cam đen, Viettel đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động Gionee đã qua sử dụng;

Trả cho bị cáo Thạch Hoàng N: 01 xe mô tô biển số 51Y2-2805 màu xanh, số khung MG110-20013180;

Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H: 01 xe mô tô biển số 65F7-8604, màu trắng đỏ, số khung MG110-81002232;

Tại phiên tòa, người bị hại thừa nhận tại giai đoạn Điều tra thì bà có yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền là 16.816.000đ và bà cũng đồng ý nhận số tiền 11.185.000đ để bồi thường thiệt hại và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Đồng thời, yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các biên bản ghi lời khai thì bà thừa nhận số tiền 500.000đ là của bị cáo

N cho bà nhưng bà không biết số tiền trên là do bị cáo N phạm tội mà có. Nay bà đã giao nộp số tiền trên cho cơ quan Điều tra.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các biên bản ghi lời khai thì bà thừa nhận số tiền 1.400.000đ là của bị cáo L cho bà nhưng bà không biết số tiền trên là do bị cáo L phạm tội mà có. Nay bà đã giao nộp số tiền trên cho cơ quan Điều tra.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các biên bản ghi lời khai thì bà thừa nhận số tiền 1.000.000đ là của bị cáo N cho bà nhưng bà không biết số tiền trên là do bị cáo N phạm tội mà có. Nay bà đã giao nộp số tiền trên cho cơ quan Điều tra.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H thừa nhận xe mô tô biển số 65F7-8604 là của bà bỏ tiền ra mua nhưng không có làm giấy tờ sang tên đăng ký xe và việc bị cáo L sử dụng xe làm phương tiện phạm tội thì bà không biết. Nay bà yêu cầu được nhận lại xe.

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo L đồng ý giao số tiền 2.075.000đ cho người bị hại để bồi thường thiệt hại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H, bà Sơn Thị H, bà Sơn Thị H và người làm chứng Lương Minh C vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra những người nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 191 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt đối với những người trên.

2. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N đã khai nhận:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/02/2017, bị cáo L điện thoại rủ bị cáo N đi kiểm tài sản của người khác để giật bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì N đồng ý, sau đó bị cáo L điều khiển xe mô tô biển số 65F7-8604 đến nhà của bị cáo N để chờ N. Khi bị cáo L điều khiển xe mô tô chờ bị cáo N qua khỏi vòng xuyên Lê D và Lê Hồng P khoảng 10 mét thì bị cáo N phát hiện người bị hại T đang điều khiển xe mô tô trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền nên bị cáo N chỉ cho bị cáo L thấy và kêu L điều khiển xe chạy theo. Khi người bị hại T đi đến trước nhà Số 87 đường L, Khóm 4, Phường 3, thành phố S thì bị cáo L điều khiển xe chạy vượt lên áp sát phía bên tay trái xe của người bị hại, còn bị cáo N ngồi sau dùng tay phải giật lấy sợi dây chuyền của người bị hại rồi tăng ga tẩu thoát. Sau đó, các bị cáo đi về nhà vợ của bị cáo L là Sơn Thị H, bị cáo N mới đưa sợi dây chuyền cho H đem đi bán được 13.500.000đ, bị cáo N cho H 1.500.000đ, số tiền còn lại các bị cáo chia đều mỗi người được 6.000.000đ. Đến 16 giờ 00 phút cùng ngày, khi cơ quan Điều tra mời làm việc thì các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử thấy,

Đối với các bị cáo Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N đã cùng thống nhất dùng xe mô tô để giật tài sản của người bị hại đang đi xe mô tô là thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm, các bị cáo đã chiếm đoạt được 01 sợi dây chuyền vàng 17K, trọng lượng 6,4 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 15K, trọng lượng 9,3 phân, qua định giá có giá trị là 18.629.780đ. Ngoài ra, đối với bị cáo Dương Hoàng L vào ngày 25/02/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” có tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2014/HSST, đến ngày 25/01/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Dương Hoàng L phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Thạch Hoàng N phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại một cách trái pháp

luật. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố các bị cáo Dương Hoàng L về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự và Thạch Hoàng N về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặc dù các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo. Nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò cụ thể của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Dương Hoàng L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo N cùng đi cướp giật tài sản của người bị hại. Chính bị cáo là cung cấp xe mô tô để làm phương tiện phạm tội và là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo N áp sát xe của người bị hại để bị cáo N giật tài sản của người bị hại. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc hơn thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với bị cáo Thạch Hoàng N là một đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, sau khi nghe bị cáo L rủ đi cướp giật tài sản thì bị cáo đồng tình hưởng ứng. Khi bị cáo phát hiện được tài sản thì chính bị cáo là người đã kêu bị cáo L điều khiển xe áp sát xe của người bị hại để bị cáo dùng tay giật tài sản của người bị hại. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nên Hội đồng xét xử thấy,

Đối với bị cáo Dương Hoàng L không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đồng ý giao nộp số tiền 2.075.000đ cho người bị hại để bồi thường khắc phục hậu quả; bị cáo là người dân tộc Khmer có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Thạch Hoàng N không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo là người dân tộc Khmer có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, đối với bị cáo Thạch Hoàng N vào ngày 08/9/2010 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2010/HSST, đến ngày 18/9/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt mà theo quy định điểm c Khoản 2 Điều 64 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì thời hạn đương nhiên xóa án tích của bị cáo là 05 năm nhưng theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì thời hạn đương nhiên xóa án tích của bị cáo là 02 năm. Do đó, áp dụng có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm h, i Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; điểm b Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì lần phạm tội này của bị cáo không được coi là có án tích vì vậy không áp dụng tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo là tái phạm nguy hiểm.

Đối với bà Sơn Thị H, bà Sơn Thị H và bà Trần Thị H khi nhận tiền của các bị cáo thì không biết số tiền là do các bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình Điều tra, người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền là 16.816.000đ, nhưng tại phiên tòa người bị hại đồng ý nhận số tiền là 11.185.000đ và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Nên Hội đồng xét xử thấy, cần giao số tiền 11.185.000đ cho người bị hại.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 quần Jean màu xám đen, 01 áo sơ mi màu xanh đen và 01 giày cổ cao màu trắng là của cá nhân bị cáo L không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L.

- Đối với 01 nón bảo hiểm màu xanh đen và 01 nón kết màu xanh đen là của cá nhân bị cáo N không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Nam.

- Đối với 02 niền xe mô tô màu xanh, 02 võ xe mô tô, 02 ruột xe, 01 điện thoại di động màu cam đen, Viettel đã qua sử dụng và 01 điện thoại di động Gionee đã qua sử dụng là của các bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 51Y2-2805 là của bị cáo N không dùng vào việc phạm tội nên cần trả cho bị cáo N.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 65F7-8604 là của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H, việc bị cáo L sử dụng làm phương tiện phạm tội thì bà không biết nên cần trả lại cho bà H.

- Đối với số tiền Việt Nam là 11.185.000đ. Trong đó, 9.110.000đ là của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp đây là số tiền có được do các bị cáo phạm tội mà có và 2.075.000đ là của cá nhân bị cáo L đồng ý giao cho người bị hại để bồi thường khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa, người bị hại cũng đồng ý nhận số tiền trên nên cần giao cho người bị hại.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về tội danh, về hình phạt, việc áp dụng pháp luật và trách nhiệm dân sự như đã nhận định như trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Hoàng L và Thạch Hoàng N phạm tội “Cướp giật tài sản”

- Áp dụng điểm c, d Khoản 2 Điều 136; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Dương Hoàng L.

- Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm h, i Khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội 14; Khoản 3 Điều 7; điểm b Khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Thạch Hoàng N.

1. Phạt bị cáo Dương Hoàng L 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/02/2017.

2. Phạt bị cáo Thạch Hoàng N 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/02/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Giao số tiền Việt Nam là 11.185.000 đồng (*mười một triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng theo Phiếu nhập kho số NK00045 ngày 01/6/2017 cho người bị hại bà Phan Hoài T.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 và Điều 42 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c Khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Trả cho bị cáo Dương Hoàng L: 01 (một) nón bảo hiểm màu đen, 01 (một) quần Jean màu xám đen; 01 (một) áo sơ mi màu xanh đen và 01 (một) giày cổ cao màu trắng;

- Trả cho bị cáo Thạch Hoàng N: 01 (một) nón bảo hiểm màu xanh đen và 01 (một) nón kết màu xanh đen;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 02 (hai) võ xe mô tô chưa qua sử dụng; 02 (hai) ruột xe chưa qua sử dụng; 02 (hai) nón bảo hiểm màu đen và xanh đen; 01 (một) điện thoại di động màu cam đen, Viettel đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động Gionee đã qua sử dụng;

- Trả cho bị cáo Thạch Hoàng N: 01 (một) xe mô tô biển số 51Y2-2805 màu xanh, số khung MG110-20013180;

- Trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H: 01 (một) xe mô tô biển số 65F7-8604, màu trắng đỏ, số khung MG110-81002232;

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Cận

Huỳnh Phước

Nguyễn Quốc Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phơ

Huỳnh Phước

Nguyễn Quốc Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định